

Số: /TTr-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH
ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**DỰ THẢO 1**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và ý kiến chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 219/NQ-CP ngày 12/11 năm 2024 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2024: “*Tổng kết, đánh giá việc thi hành pháp luật về TMĐT trong thời gian qua; nghiên cứu, đề xuất việc xây dựng Luật về thương mại điện tử (TMĐT) theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*”, Bộ Công Thương xin trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật TMĐT như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT**1. Thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ về TMĐT**

Trong thời gian qua, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ trong lĩnh vực TMĐT được thể hiện trong nhiều Nghị quyết và văn bản quan trọng, trong đó nổi bật là:

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề cập đến giải pháp: “*Rà soát, hoàn thiện luật chuyên ngành về du lịch, thương mại, đường sắt, bưu chính, công nghệ thông tin, viễn thông và các luật có liên quan; tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật, đẩy mạnh xã hội hóa để cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, nhất là trong các lĩnh vực TMĐT, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục, logistics, du lịch, các dịch vụ mới của nền kinh tế số...*”;

- Nghị quyết số 141/2024/QH15 của Quốc hội ngày 29/6/2024 về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV, trong đó Quốc hội yêu cầu Bộ Công Thương: “*Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về TMĐT và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng...*”;

- Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 12/11/2024 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2024 nêu nhiệm vụ: “*Tổng kết, đánh giá việc thi hành*

pháp luật về TMĐT trong thời gian qua; nghiên cứu, đề xuất việc xây dựng Luật về TMĐT theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật”;

- Công điện số 56/CĐ-TTg ngày 06/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực TMĐT, kinh doanh trên nền tảng số, trong đó giao Bộ Công Thương: “...*tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời đề xuất, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách pháp luật về quản lý TMĐT*”.

- Công điện số 119/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/11/2024 nêu rõ: “*Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tiếp tục rà soát Luật Thương mại và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để kịp thời đề xuất việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách pháp luật về quản lý TMĐT*”.

- Công điện 121/CĐ-TTg ngày 26/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng yêu cầu: “*Nghiên cứu và xây dựng cơ chế kiểm soát chặt chẽ hàng nhập khẩu qua TMĐT hiện đang tạo sức ép lớn lên hàng hóa sản xuất trong nước, ảnh hưởng tới tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp nội địa*”;

- Quyết định số 165/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 28/02/2023 phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030 có nêu: “*Xây dựng và hoàn thiện các chính sách, khung khổ pháp lý tạo thuận lợi cho xuất nhập khẩu qua các nền tảng số, đặc biệt là qua kênh TMĐT xuyên biên giới, gắn với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu phù hợp với thông lệ quốc tế và yêu cầu quản lý của Việt Nam*”.

- Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước yêu cầu: “...*đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước giữa trung ương và địa phương*”.

- Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, trong đó giao Bộ Công Thương: “*Thực hiện quản lý nhà nước về TMĐT. Chủ trì, phối hợp, tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch, chương trình phát triển TMĐT, chính sách và pháp luật điều chỉnh trong hoạt động TMĐT*”.

Những văn bản trên đã thể hiện quyết tâm của Đảng, Nhà nước và Chính phủ trong việc hoàn thiện khung pháp lý, thúc đẩy phát triển và quản lý hiệu quả lĩnh vực TMĐT trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện và cũng đặt ra nhiều yêu cầu, nhiệm vụ mới cần được thể chế hóa thông qua việc đề xuất xây dựng Luật TMĐT và tổ chức thực hiện.

2. Khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn thi hành chính sách pháp luật về TMĐT

TMĐT Việt Nam được các tổ chức nghiên cứu thị trường uy tín đánh giá cao (xếp thứ **3** trong khu vực Đông Nam Á về quy mô năm 2024¹ và xếp thứ **5** trên thế giới về tốc độ tăng trưởng năm 2022²). Quy mô thị trường bán lẻ TMĐT B2C tăng trưởng nhanh chóng từ 2,97 tỷ đô la mỹ năm 2014 đến 20,5 tỷ đô năm 2023, trung bình tăng trưởng 20-30% cả giai đoạn³, đóng góp **8%** tổng doanh thu hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng cả nước năm 2023. Thị trường TMĐT là điểm đầu tư hấp dẫn cho nhiều nhà đầu tư nước ngoài, giúp người tiêu dùng Việt Nam trở thành người tiêu dùng toàn cầu, có thể tiếp cận với cả các sản phẩm đa dạng và phong phú cả trong nước và quốc tế. Doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam đã tận dụng được các nền tảng hiện đại để phát triển kênh phân phối hàng hóa, sản phẩm của mình.

Có được kết quả khả quan nêu trên là do các quy định pháp luật về cơ bản đã tạo hành lang pháp lý tương đối rõ ràng, minh bạch cho hoạt động TMĐT. Cụ thể, hiện nay, lĩnh vực TMĐT đang được điều chỉnh tập trung, chủ yếu tại hai văn bản: Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT (Nghị định 52), Nghị định 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 52 (Nghị định 85). Tuy nhiên, do hai văn bản trên ở cấp Nghị định nên chưa đủ để điều chỉnh các vấn đề quan trọng trong TMĐT. Bên cạnh đó, sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, sự xuất hiện nhiều mô hình kinh doanh mới, đa dạng về mặt chủ thể, phức tạp về mặt bản chất và từ thực tiễn quản lý nhà nước trong lĩnh vực TMĐT, dẫn đến các chính sách, quy định về TMĐT đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế như sau:

2.1. Cần thiết hoàn thiện hệ thống pháp luật về TMĐT

a) Về tính hài hòa, thống nhất, toàn diện, ổn định của hệ thống pháp luật về TMĐT

- Đảm bảo tính pháp lý cao hơn và ổn định hơn

Để đảm bảo tính pháp lý cao hơn và ổn định hơn của các văn bản pháp luật, cần xây dựng Luật TMĐT thay vì duy trì các văn bản ở cấp nghị định vì luật có giá trị pháp lý cao hơn nghị định, là cơ sở để điều chỉnh các vấn đề quan trọng, mang tính nguyên tắc và toàn diện trong lĩnh vực TMĐT. Nghị định phải được

¹ Báo cáo Kinh tế số Đông Nam Á năm 2024 của Google, Temasek & Bain Company

² <https://www.emarketer.com/chart/253485/top-10-countries-ranked-by-retail-ecommerce-sales-growth-2022-change>

³ Sách trắng TMĐT Việt Nam

ban hành trên cơ sở một luật. Nếu không có luật gốc làm cơ sở, nghị định sẽ không đủ mạnh để điều chỉnh các vấn đề quan trọng trong lĩnh vực TMĐT. Hơn nữa, TMĐT là một lĩnh vực phức tạp, liên quan đến nhiều bên, cả trong nước lẫn nước ngoài, do vậy, cần phải có một khung pháp lý ổn định, lâu dài để điều chỉnh.

- Đáp ứng yêu cầu điều chỉnh toàn diện

TMĐT liên quan đến nhiều lĩnh vực như thương mại, giao dịch điện tử, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, quản lý thuế, bảo mật dữ liệu, chống gian lận thương mại... Vì vậy, quan hệ pháp luật trong lĩnh vực TMĐT hiện đang được điều chỉnh bởi nhiều văn bản quy phạm pháp luật thuộc các ngành luật khác nhau, như Luật Thương mại, Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, và Luật An ninh mạng. Mặc dù vậy, các quy định hiện hành trong các luật chung hiện nay không đủ chi tiết, cụ thể để xử lý các vấn đề đặc thù, phức tạp của TMĐT. Để điều chỉnh chi tiết và toàn diện các vấn đề này, cần thiết phải xây dựng văn bản ở cấp luật.

- Đảm bảo sự thống nhất trong hệ thống pháp luật, tránh chồng chéo, trùng lặp

Ngoài ra, các Nghị định hiện hành chưa đồng bộ với các quy định pháp luật khác như Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật Quản lý thuế, Luật Sở hữu trí tuệ,... Một số Luật liên quan đến lĩnh vực TMĐT đều mới được ban hành trong thời gian gần đây, theo đó, mở rộng phạm vi, đối tượng điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số khái niệm và quy định mới. Do vậy, việc xây dựng Luật TMĐT giúp tránh chồng chéo và mâu thuẫn pháp lý giữa các quy định.

Việc ban hành một Luật chuyên ngành TMĐT chuyên biệt sẽ không chỉ để giải quyết các vấn đề hiện tại mà còn định hình tương lai của lĩnh vực TMĐT, đảm bảo sự phát triển cân bằng giữa quản lý nhà nước, quyền lợi người tiêu dùng, và lợi ích doanh nghiệp.

b) Về các mô hình TMĐT hoạt động mới chưa có quy định điều chỉnh riêng

Với sự xuất hiện của các công nghệ mới, nền tảng mới như dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), thương mại qua mạng xã hội (Social Commerce), các mô hình TMĐT ngày càng trở nên phức tạp và đa dạng, nhưng hiện nay chưa có quy định pháp luật điều chỉnh riêng biệt. Đặc biệt, một xu hướng phát triển nhanh chóng của TMĐT là hoạt động livestream bán hàng chỉ được điều chỉnh chung giống như một hoạt động quảng cáo đi kèm với bán hàng, mà chưa có các quy định riêng về các chủ thể tham gia livestreams (chủ tài khoản, người tham gia livestreams), các trường thông tin tối thiểu phải cung cấp cho người xem, trình độ

chuyên môn của người thực hiện livestreams, định danh chủ tài khoản và các vấn đề về kiểm soát thông tin trong quá trình phát livestreams. Việc các mô hình, xu hướng trên vượt ra ngoài phạm vi điều chỉnh của các chính sách hiện hành cũng như các vấn đề liên quan để bảo vệ dữ liệu cá nhân khiến cho việc quản lý gặp nhiều khó khăn, bất cập.

c) Về giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử trong thương mại

Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử đã được thừa nhận trong các văn bản pháp luật hiện hành bao gồm Luật Giao dịch điện tử 2024 và Nghị định 52. Bộ luật Tố tụng dân sự cũng chấp nhận chứng cứ điện tử. Tuy nhiên, các quy định hiện hành mang tính nguyên tắc, chưa có các quy định cụ thể về phương thức ký kết hợp đồng điện tử trong thương mại như thế nào để hợp đồng đó có giá trị làm chứng cứ. Điều này dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp thường ưu tiên sử dụng phương tiện điện tử để ký kết hợp đồng, sau đó mới tiến hành giao nhận "văn bản giấy" như một biện pháp "phòng vệ" trong trường hợp xảy ra tranh chấp, đặc biệt đối với các giao dịch có giá trị lớn.

Những vướng mắc và bất cập trong việc quản lý lĩnh vực TMĐT như đã nêu ở trên đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến hệ thống pháp luật, cần được nghiên cứu, sửa đổi và bổ sung theo đúng chủ trương của Đảng và Chính phủ, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới và đảm bảo theo kịp sự phát triển của các nền TMĐT trên thế giới.

2.2. Cần thiết tăng cường quản lý, giám sát trong lĩnh vực TMĐT

a) Về kiểm soát chủ thể tham gia giao dịch và lượng giao dịch

Kiểm soát người bán trên các nền tảng TMĐT vẫn đang là thách thức với cơ quan quản lý nhà nước. Văn bản pháp lý về TMĐT hiện đang giao trách nhiệm cho chủ nền tảng TMĐT trong việc xác định danh tính của người bán trong nước và nước ngoài trên sàn. Điều này dẫn đến các vấn đề:

- Khó khăn trong xác định danh tính người bán: Hiện tại, nhiều nền tảng TMĐT chưa định danh và xác thực điện tử đối với người bán, dẫn đến việc khó kiểm soát chính xác thông tin về người bán, đặc biệt là với người bán ở nước ngoài hoặc người bán không tuân thủ quy định pháp luật. Ngoài ra, cơ quan quản lý nhà nước cũng không nắm được một người bán hoạt động trên bao nhiêu nền tảng TMĐT.

- Khó khăn trong việc truy vết và xử lý vi phạm: Việc chưa có quy định chặt chẽ về việc xác minh và lưu trữ thông tin người bán làm cho công tác điều tra và xử lý vi phạm trong giao dịch TMĐT trở nên phức tạp. Các cơ quan chức

năng khó truy vết kho hàng hoặc đối tượng bán hàng khi có vi phạm.

- Rủi ro về gian lận và trốn thuế: Vì không có cơ chế định danh điện tử cũng như kiểm tra, giám sát toàn diện, các nền tảng TMĐT có thể bị lạm dụng để thực hiện các hoạt động gian lận hoặc trốn thuế. Các cơ quan quản lý, đặc biệt là cơ quan thuế, không thể theo dõi đầy đủ các giao dịch và hoạt động của người bán.

- Vấn đề bảo vệ người tiêu dùng: Người tiêu dùng khó có thể xác minh độ tin cậy của người bán trên các sàn TMĐT nếu thông tin về người bán không được rõ ràng và minh bạch. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người tiêu dùng và làm giảm độ tin cậy của nền tảng TMĐT.

b) Về vấn đề kiểm soát hàng giả, hàng cấm, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng kém chất lượng

Vấn đề kiểm soát hàng giả, hàng nhái, hàng cấm, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng kém chất lượng tiếp tục là mối quan ngại chung của cả thị trường thương mại truyền thống lẫn TMĐT, đồng thời nhận được sự quan tâm đặc biệt từ các đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV. Mặc dù các văn bản pháp lý về TMĐT đã quy định việc rà soát, kiểm soát và xử lý các thông tin cũng như hoạt động vi phạm, nhưng những hành vi vi phạm trong không gian mạng ngày càng trở nên tinh vi. Điều này đòi hỏi cơ quan quản lý nhà nước cần xây dựng và áp dụng các công cụ quản lý hiệu quả hơn để giải quyết triệt để vấn đề.

Với các tồn tại nêu trên trong việc thực thi TMĐT, việc ban hành Luật TMĐT sẽ đảm bảo việc lấp đầy các khoảng trống pháp lý trong giám sát, kiểm soát trong lĩnh vực TMĐT.

2.3. Cần thiết tăng cường quản lý hoạt động TMĐT xuyên biên giới

a) Về kiểm soát TMĐT xuyên biên giới

Mặc dù Nghị định 85 đã đưa ra những quy định cơ bản về điều kiện áp dụng cho các chủ thể cung cấp dịch vụ TMĐT xuyên biên giới tại thị trường Việt Nam, nhưng các quy định này vẫn chưa đủ mạnh mẽ và hiệu quả. Điều này dẫn đến tình trạng nhiều nền tảng TMĐT xuyên biên giới hoạt động tại Việt Nam mà chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý chính thức. Hơn nữa, các quy định pháp lý đối với TMĐT xuyên biên giới hiện tại nhìn chung còn "nhẹ nhàng" hơn so với các quy định áp dụng cho các chủ thể có hoạt động đầu tư chính thức tại thị trường trong nước, gây ra sự thiếu công bằng trong môi trường cạnh tranh. Ngoài ra, chưa có quy định phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước liên quan như hải quan, thuế, quản lý thị trường trong quá trình thực thi; chưa có quy định phối hợp trong quản lý và giám sát chất lượng hàng hoá, quản lý thanh toán số hay các hệ sinh

thái hỗ trợ TMĐT xuyên biên giới.

b) Về tương quan giữa hàng hóa trong nước và nước ngoài

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là xu hướng tất yếu và khách quan, dẫn đến sự gia tăng cạnh tranh trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng mở cửa, kể cả trước và sau khi hình thức TMĐT xuất hiện. Tuy nhiên, cần cân nhắc các khía cạnh khác. Hiện nay, chính sách của Việt Nam không đặt ra giới hạn về số lượng hay loại hình hàng hóa nhập khẩu qua phương thức TMĐT. Trong khi đó, nhiều quốc gia khác áp dụng các quy định chặt chẽ đối với hàng hóa nhập khẩu qua TMĐT. Điều này vô hình chung tạo ra sự bất lợi và một sân chơi không công bằng cho hàng hóa Việt Nam khi tham gia cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Việc các quốc gia đã xây dựng luật riêng hoặc các chính sách riêng về TMĐT để điều chỉnh và thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực này, trong đó có những quy định chặt chẽ về TMĐT xuyên biên giới, đặt ra các bài toán cho cơ quan quản lý của Việt Nam trong việc đảm bảo cạnh tranh nhưng cũng hài hòa, đảm bảo quyền lợi cho doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực TMĐT.

2.4. Cần thiết đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền cho địa phương trong lĩnh vực TMĐT

Hiện nay, toàn bộ 15 thủ tục hành chính liên quan đến TMĐT đều được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và miễn phí trên Cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương. Các TTHC này hiện đều là TTHC cấp Trung ương, do tính chất không phụ thuộc vào địa giới hành chính cũng như sự phức tạp trong việc xử lý hồ sơ. Theo số liệu thống kê, số lượng website/ứng dụng TMĐT cung cấp dịch vụ TMĐT đã hoàn thành thủ tục pháp lý với Bộ Công Thương tăng từ 106 năm 2013 đến 48.348 năm 2023, số lượng website/ứng dụng TMĐT bán hàng hoạt động hợp pháp tăng từ 647 năm 2013 đến 1.218 năm 2023.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương về phân cấp, phân quyền trong bối cảnh số lượng các website/ứng dụng TMĐT và số lượng giao dịch TMĐT trong nền kinh tế tăng trưởng nhanh chóng, việc phân cấp, phân quyền cho địa phương trong xử lý các TTHC thuộc lĩnh vực TMĐT cần được tính đến. Việc phân cấp và phân quyền này đảm bảo việc cải cách hành chính, tăng cường phân cấp quản lý, và cũng nhằm tạo điều kiện để địa phương chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm nhiều hơn trong phát triển và quản lý hoạt động TMĐT.

3. Kinh nghiệm quốc tế

Trên thế giới hiện có nhiều nước đã xây dựng Luật TMĐT, cụ thể:

Malaysia, Campuchia, Philippines, Hungary, Rumani, Macedonia, Ireland, Malta, Luxembourg, Iran, Trung Quốc,... Nhìn chung, nhiều nước xây dựng Luật TMĐT dựa trên những khái niệm và nguyên tắc của Luật mẫu về TMĐT của UNCITRAL, trong đó, về cơ bản các nước công nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu điện tử nhằm tạo ra môi trường pháp lý an toàn cho các hoạt động TMĐT.

Một số nước khác tuy không xây dựng Luật TMĐT nhưng đã có những văn bản điều chỉnh riêng cho lĩnh vực này. Chẳng hạn, Ủy ban châu Âu ban hành Chỉ thị về TMĐT vào năm 2000 (Directive 2000/31/EC on electronic commerce) và gần đây là Đạo luật Kỹ thuật số (Digital Markets Act). Indonesia ban hành Quy định số 80/2019 về TMĐT (Reg 80/2019), Quy định số 31/2024 về cấp phép kinh doanh, quảng cáo, hướng dẫn và giám sát các doanh nghiệp thương mại qua hệ thống điện tử (thay thế Quy định số 50/2020)...

Mặt khác, một số nước xây dựng luật liên quan đến TMĐT từ góc độ bảo vệ người tiêu dùng với mục đích nâng cao niềm tin của người tiêu dùng đối với TMĐT từ đó thúc đẩy lĩnh vực này phát triển lành mạnh, bền vững. Nhật Bản ban hành Luật Bảo vệ người tiêu dùng mua sắm trên các nền tảng số (Act on the Protection of consumers who use digital platforms for shopping). Hàn Quốc ban hành Luật Bảo vệ người tiêu dùng trong TMĐT (Act on the Consumer protection in electronic commerce). Ấn Độ ban hành Quy định về TMĐT năm 2020 (Consumer Protection (E-commerce) Rules) theo quy định của Luật Bảo vệ người tiêu dùng 2019.

Nhìn chung, kinh nghiệm xây dựng khung khổ pháp luật về TMĐT của đa số các quốc gia và khu vực cho thấy quan điểm thống nhất của các bên trong việc không thể coi TMĐT chỉ là một phương thức hoạt động thương mại mà cần phải đặt TMĐT là một phương thức hoạt động thương mại đặc biệt, tiềm ẩn nhiều phức tạp, cần có văn bản pháp lý riêng biệt điều chỉnh các khía cạnh đặc thù của lĩnh vực này.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, để phù hợp với xu thế chung của thế giới, Việt Nam rất cần xây dựng Luật TMĐT để điều chỉnh toàn diện lĩnh vực này, góp phần bảo vệ quyền lợi của các bên tham gia, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, và tạo động lực để Việt Nam phát triển kinh tế số.

II. MỤC ĐÍCH VÀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

- Thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về việc hoàn thiện thể chế về TMĐT.

- Thể chế hóa, nội luật hóa các cam kết để phù hợp với thông lệ quốc tế.
- Thống nhất hệ thống pháp luật về TMĐT trong mối tương quan với các luật khác, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.
- Giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc, các bất cập, hạn chế trong thực thi các văn bản quy phạm pháp luật về TMĐT trong thời gian vừa qua cũng như để phù hợp với xu thế đổi mới do công nghệ số đã làm thay đổi và định hình lại tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế, trong đó có lĩnh vực TMĐT.
- Hoàn thiện chính sách, pháp luật về TMĐT theo hướng khuyến khích sáng tạo trong việc xây dựng và thực thi quy định, bảo đảm tính ổn định, thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng; tạo động lực cho cạnh tranh và phát triển sáng tạo của doanh nghiệp; hỗ trợ, khuyến khích hoạt động của các tổ chức xã hội, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về TMĐT; tạo điều kiện cho TMĐT phát triển bền vững, có trật tự, làm động lực cho sự phát triển của nền kinh tế số.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng dự án Luật

- Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp và các quy định pháp luật có liên quan; Tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan; bảo đảm tiến độ thực hiện theo nhiệm vụ, kế hoạch được giao.
- Bảo đảm phù hợp với thực tế, tính hợp lý, tính khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành trong thực tiễn.
- Tham khảo và kế thừa có chọn lọc các quy định hiện hành, các kinh nghiệm quốc tế; bảo đảm tính thống nhất của quy định với hệ thống pháp luật và tương thích với cam kết quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.
- Xây dựng pháp luật với tư duy quản lý linh hoạt theo hướng vừa đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển. Các quy định của pháp luật phải mang tính ổn định, có giá trị lâu dài. Luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc.
- Thực hiện cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về TMĐT theo tinh thần của Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Về phạm vi điều chỉnh

Luật TMĐT quy định về việc phát triển, ứng dụng và quản lý hoạt động TMĐT.

2. Về đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với các thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động TMĐT trên lãnh thổ Việt Nam, bao gồm:

- Thương nhân, tổ chức, cá nhân Việt Nam;
- Cá nhân nước ngoài cư trú tại Việt Nam;
- Thương nhân, tổ chức nước ngoài có hoạt động TMĐT tại Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

Trên cơ sở đánh giá thực tiễn thi hành, xác định các nội dung cần thiết cần bổ sung hoàn thiện để hoạch định chính sách về TMĐT trong thời gian tới, Bộ Công Thương xác định một số chính sách lớn sau đây:

1. Chính sách 01: Bổ sung và thống nhất các khái niệm theo các quy định pháp luật hiện hành

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Năm 2023, Quốc hội ban hành hai Luật có tác động trực tiếp tới lĩnh vực TMĐT và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, bao gồm: Luật Giao dịch điện tử và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Các Luật này đã đưa ra những khái niệm mới liên quan đến hoạt động kinh doanh trên môi trường Internet bao gồm “nền tảng số”, “nền tảng số trung gian”, “nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử”, “nền tảng số trung gian phục vụ giao dịch điện tử”. Bên cạnh đó, một số khái niệm khác như “doanh nghiệp dẫn đầu thị trường cung cấp dịch vụ TMĐT”, “tài khoản báo cáo trực tuyến”, “cập nhật số liệu theo thời gian thực”, “tiếp thị liên kết”,... cũng chưa có định nghĩa chi tiết. Hơn nữa, các khái niệm tại Nghị định 52 và Nghị định 85 chưa thực sự phù hợp với các khái niệm trong Luật Giao dịch điện tử và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2003. Sự không rõ ràng và thiếu thống nhất trong định nghĩa các khái niệm này dẫn đến nhiều hệ lụy:

- Thứ nhất, khó khăn trong thực thi pháp luật: Khi không có định nghĩa cụ thể, các cơ quan chức năng gặp trở ngại trong việc kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm. Điều này tạo ra lỗ hổng pháp lý mà các đối tượng xấu có thể lợi dụng để trốn tránh trách nhiệm hoặc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Hơn nữa, các khái niệm mới của Luật như nền tảng số TMĐT, nền tảng số trung gian TMĐT sẽ bao quát rộng hơn, phổ quát hơn cách tiếp cận trước đây là đi vào loại hình thể

hiện cụ thể của công nghệ như website, ứng dụng mà không đi vào bản chất loại hình dịch vụ cung cấp.

- Thứ hai, bất lợi cho doanh nghiệp và người tiêu dùng: Các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh gặp khó khăn trong việc tự đánh giá và tuân thủ các quy định pháp luật khi không biết mình thuộc đối tượng điều chỉnh nào. Người tiêu dùng cũng không được bảo vệ một cách toàn diện do khoảng trống trong quy định pháp lý về các dịch vụ và sản phẩm mới phát sinh trên nền tảng số.

- Thứ ba, cản trở sự phát triển của thị trường: Sự mơ hồ trong pháp luật khiến các doanh nghiệp e ngại khi đầu tư và phát triển các mô hình kinh doanh mới, đặc biệt là trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ TMĐT như tiếp thị liên kết, giao hàng chặng cuối và các nền tảng số trung gian, v.v... Khi chưa làm rõ được các định nghĩa, thuật ngữ mới dẫn tới chưa kịp thời hoặc khó khăn khi điều chỉnh các loại hình hoạt động mới, các dịch vụ mới tại các văn bản dưới Luật. Điều này kìm hãm sự đổi mới và cạnh tranh, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của kinh tế số Việt Nam.

- Thứ tư, việc thiếu khái niệm đồng bộ cũng ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng phối hợp liên ngành. Nền tảng số trong lĩnh vực TMĐT thường liên quan đến nhiều ngành khác nhau, từ công nghệ thông tin, công an, thuế, hải quan, quản lý doanh nghiệp đến quản lý thị trường. Khi khái niệm không được định nghĩa rõ ràng, việc phối hợp giữa các cơ quan gặp nhiều khó khăn, dẫn đến sự chông chéo trong thực thi pháp luật.

- Thứ năm, khó khăn trong hội nhập quốc tế: Thiếu các khái niệm thống nhất làm cho pháp luật Việt Nam không đồng bộ với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, gây trở ngại trong việc hợp tác và giao thương với các đối tác nước ngoài, đặc biệt trong bối cảnh TMĐT xuyên biên giới, thương mại số đang trở thành xu thế tất yếu toàn cầu trong bối cảnh nền kinh tế số trở nên hết sức sôi động.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Quy định rõ khái niệm nền tảng số, nền tảng số trung gian và các khái niệm khác phù hợp với lĩnh vực TMĐT và đảm bảo hài hòa với các Luật khác hiện hành.

- Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1A: Bổ sung và thống nhất các khái niệm

Bổ sung các khái niệm như “Nền tảng số trong TMĐT”, “Nền tảng số trung

gian trong TMĐT”, “Doanh nghiệp dẫn đầu thị trường”, “Tiếp thị liên kết”, v.v... phù hợp với Luật Giao dịch điện tử 2023, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023 và các Luật khác.

Phương án 1B: Giữ nguyên quy định hiện hành

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

1.4.1. Phương án 1A: Bổ sung và thống nhất các khái niệm

- Tạo khung pháp lý rõ ràng và minh bạch: Khi các khái niệm như "nền tảng số trong TMĐT", "nền tảng số trung gian", "doanh nghiệp dẫn đầu thị trường", "tiếp thị liên kết", “chủ quản nền tảng số trung gian”, được định nghĩa thống nhất, pháp luật sẽ trở nên dễ hiểu hơn. Điều này giúp giảm thiểu sự mơ hồ, tránh những diễn giải khác nhau gây khó khăn trong quá trình áp dụng và thực thi.

- Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật: Việc có các khái niệm thống nhất giúp cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm một cách hiệu quả hơn. Các hành vi vi phạm sẽ được xác định rõ ràng, từ đó tăng cường tính răn đe và đảm bảo pháp luật được thực thi nghiêm túc. Ví dụ tại Nghị định 52 và Nghị định 85 sử dụng khái niệm chủ sở hữu website TMĐT bán hàng và thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ TMĐT. Do vậy, khái niệm nhằm lẫn lộn cho khó xác định chủ quản thực sự là đơn vị nào. Khi đó cơ quan chức năng xử phạt sẽ rất lúng túng khi áp dụng.

- Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và doanh nghiệp: Thống nhất các khái niệm giúp bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trước các hành vi gian lận trực tuyến. Doanh nghiệp cũng hiểu rõ hơn về quyền và nghĩa vụ của mình, từ đó hoạt động kinh doanh minh bạch và tuân thủ pháp luật.

- Thúc đẩy sự phát triển của thị trường TMĐT: Một khung pháp lý rõ ràng sẽ khuyến khích sự đổi mới và đầu tư vào lĩnh vực TMĐT. Doanh nghiệp sẽ tự tin hơn khi triển khai các mô hình kinh doanh mới, góp phần thúc đẩy kinh tế số phát triển mạnh mẽ.

- Đảm bảo sự phù hợp và đồng bộ với pháp luật quốc tế: Việc bổ sung và thống nhất khái niệm giúp đồng bộ hóa pháp luật trong nước với tiêu chuẩn quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho TMĐT xuyên biên giới.

- Ngăn ngừa và xử lý vi phạm hiệu quả hơn: Khi các khái niệm được định nghĩa cụ thể, việc xác định trách nhiệm pháp lý trở nên dễ dàng hơn. Điều này giúp ngăn chặn các hành vi lợi dụng kẽ hở pháp luật, bảo vệ môi trường kinh

doanh lành mạnh.

- Tạo điều kiện cho việc áp dụng công nghệ mới: Trong bối cảnh công nghệ phát triển không ngừng, việc có các khái niệm thống nhất giúp pháp luật linh hoạt ứng phó với những thay đổi và tiếp cận nhanh chóng các xu hướng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, blockchain,...

a) Tác động về kinh tế

- Đối với Nhà nước:

+ Tăng thu Ngân sách nhà nước: Khi khung pháp lý rõ ràng, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực TMĐT sẽ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về thuế. Điều này giúp nâng cao hiệu quả thu thuế, đảm bảo nhà nước thu đúng và đủ các khoản thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, và các loại thuế khác liên quan đến hoạt động kinh doanh trực tuyến.

+ Tối ưu hóa nguồn lực và giảm thất thoát ngân sách: Khi hoạt động TMĐT được quản lý hiệu quả, nhà nước sẽ giảm thiểu tình trạng trốn thuế, gian lận thương mại, bảo toàn nguồn lực tài chính để đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên khác như giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng.

- Đối với doanh nghiệp, người dân:

+ Không phát sinh thêm chi phí

+ Phát triển kinh tế số và đổi mới sáng tạo: Việc định nghĩa rõ ràng các khái niệm giúp khuyến khích sự sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới. Các nền tảng số và mô hình kinh doanh mới như tiếp thị liên kết, nền tảng số đa dịch vụ, v.v... sẽ được hỗ trợ và thúc đẩy, đóng góp vào sự chuyển đổi số của nền kinh tế.

+ Khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa: Các doanh nghiệp này sẽ dễ dàng tiếp cận thị trường, giảm bớt rào cản pháp lý và tận dụng cơ hội kinh doanh trong môi trường trực tuyến, từ đó đóng góp vào sự đa dạng và năng động của nền kinh tế.

b) Tác động về xã hội

- Đối với Nhà nước:

+ Cải thiện hiệu quả quản lý nhà nước: Nhờ có các khái niệm thống nhất, cơ quan quản lý có thể giám sát và điều phối thị trường một cách hiệu quả hơn, giảm chi phí và nguồn lực cho việc giải thích và thực thi pháp luật. Điều này cũng giúp ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng và doanh nghiệp.

+ Tăng cường hội nhập quốc tế: Pháp luật đồng bộ với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế sẽ giúp Việt Nam nâng cao vị thế trên trường quốc tế, mở rộng hợp tác thương mại.

- Đối với người dân, doanh nghiệp:

+ Thúc đẩy đầu tư và phát triển kinh tế: Một hệ thống pháp luật minh bạch và thống nhất sẽ tạo niềm tin cho nhà đầu tư. Doanh nghiệp sẽ tự tin mở rộng quy mô, đầu tư vào công nghệ và nhân lực, từ đó tạo ra nhiều việc làm mới và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

c) Tác động về môi trường: Hệ thống pháp luật quy định trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào hoạt động TMĐT và các chính sách thúc đẩy phát triển TMĐT theo hướng xanh, bền vững sẽ giúp hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động môi trường nhờ những giải pháp, quy định và tiêu chí đánh giá TMĐT bền vững.

d) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt về giới.

đ) Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

e) Tác động về hệ thống pháp luật:

- Bộ máy Nhà nước: Phương án này không tác động đến bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động TMĐT.

- Các điều kiện đảm bảo thi hành: Phương án này không tác động về các điều kiện cần thiết để bảo đảm thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: Phương án này không tác động đến quyền cơ bản của công dân.

- Tương thích với các Điều ước quốc tế: Phương án này không có tác động tới việc thực hiện các điều ước quốc tế.

1.4.2. Phương án 1B: Giữ nguyên quy định hiện hành

Nếu thực hiện phương án này, các vấn đề tồn tại, bất cập như đã nêu ở phần 1.1. Xác định vấn đề bất cập sẽ không được giải quyết.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 (hai) phương án trên, phương án 1A là phương án có nhiều tác động tích cực nhất, thu được lợi ích kinh tế và tác động xã hội tốt nhất. Do đó, đề xuất lựa chọn phương án 1A cho việc xây dựng Luật TMĐT. Thẩm quyền ban

hành là Quốc hội.

2. Chính sách 02: Quy định các hình thức hoạt động TMĐT, các chủ thể tham gia vào hoạt động TMĐT, quyền và nghĩa vụ liên quan

2.1. Xác định vấn đề bất cập

2.1.1. Bất cập về quy định đối với các hình thức hoạt động TMĐT

Trong thực tiễn hiện nay, bên cạnh những mô hình hoạt động TMĐT đã được quy định tại Nghị định 52, một số mô hình hoạt động TMĐT mới đã phát sinh như hoạt động TMĐT trên mạng xã hội, hoạt động TMĐT xuyên biên giới, hoạt động TMĐT của nhà đầu tư nước ngoài, mua sắm qua livestream với sự tham gia của những người nổi tiếng, có ảnh hưởng trên mạng xã hội, nhóm mặt hàng kinh doanh có điều kiện như rượu, mỹ phẩm, dược phẩm nhưng được tư vấn bởi người không có chuyên môn... Hơn nữa, các trách nhiệm của chủ thể tham gia hoạt động TMĐT, các nền tảng số TMĐT chưa được quy định chưa đầy đủ, chưa đáp ứng quy định về quản lý và sự phát triển của xã hội. Cùng với sự phát triển của công nghệ, dự kiến trong tương lai sẽ tiếp tục có thêm những mô hình hoạt động TMĐT xuất hiện. Với những quy định hiện tại, pháp luật chưa đủ linh hoạt để thích ứng với tốc độ thay đổi nhanh chóng của thị trường và công nghệ.

2.1.2. Bất cập về trách nhiệm các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT

- Đối với các nền tảng số trung gian TMĐT: Hiện tại, hệ thống pháp luật về TMĐT quy định trách nhiệm của các chủ sàn TMĐT (nền tảng số trung gian TMĐT) đã được quy định rải rác ở một số văn bản như Luật Giao dịch điện tử, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và một số Nghị định điều chỉnh từng khía cạnh khác nhau, chưa có sự thống nhất. Ngoài ra, các trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ TMĐT (nền tảng số trung gian TMĐT) hiện hành quy định tại Nghị định 85 và Nghị định 52 chưa đáp ứng tốt công tác bảo vệ người tiêu dùng như vấn đề định danh người bán, minh bạch thông tin người bán, thông tin hàng hóa, thông tin về đánh giá hàng hóa, dịch vụ bán ra trên các nền tảng số TMĐT, thông tin về đầu mối giải quyết khiếu nại, cơ chế phản ứng nhanh để giải quyết ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật, giải quyết tranh chấp trực tuyến, chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại, cơ chế kết nối, chia sẻ thông tin với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, lưu trữ thông tin hàng hóa bán ra trên các nền tảng số TMĐT lâu dài để phục vụ công tác đấu tranh, phòng chống các hành vi vi phạm trong TMĐT... Tại Nghị quyết 09/NQ-CP về Hội nghị Chính phủ với địa phương và Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2024, Chính phủ yêu cầu Bộ Công Thương nghiên cứu, sửa đổi theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm

quyền sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật về TMĐT để định danh người bán trên các sàn TMĐT thông qua VNeID. Việc nâng cao trách nhiệm của các nền tảng số trung gian TMĐT trong việc triển khai giải pháp định danh người bán sẽ giảm thiểu nhiều rủi ro như lừa đảo, chiếm đoạt tài sản hay các vấn đề về gian lận thương mại và hàng giả, hàng nhái, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên các nền tảng số TMĐT.

- Đối với các nền tảng mạng xã hội và các nền tảng số đa dịch vụ: thực trạng hiện nay, một số mạng xã hội không chỉ là nơi người bán và người mua trao đổi thông tin về hàng hóa, dịch vụ trước khi tiến hành giao dịch mà còn cung cấp một số tính năng hỗ trợ giao dịch TMĐT. Người bán trên mạng xã hội chủ yếu là hộ gia đình và cá nhân. Phần lớn họ chưa nắm vững quy định pháp luật về TMĐT nên chưa có ý thức tuân thủ pháp luật, bao gồm các quy định tại Nghị định về TMĐT. Trong khi đó người mua trên các mạng xã hội thường là cá nhân, thông thường họ giao kết hợp đồng vì tin tưởng vào người bán hoặc cộng đồng. Giá trị giao dịch thường không lớn. Khi có tranh chấp họ thường không nhận được sự hỗ trợ của đơn vị vận hành mạng xã hội, đồng thời khó khai thác sự hỗ trợ của các tổ chức khác như cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ người tiêu dùng, Hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ người tiêu dùng, trọng tài hay tòa án. Bên cạnh đó, cùng với sự thay đổi của văn hóa tiêu dùng, thay đổi của công nghệ và để đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, đồng thời, tăng sức cạnh tranh trên thị trường, các nền tảng số trung gian TMĐT trong các lĩnh vực như gọi xe công nghệ, dịch vụ tài chính – ngân hàng..., đều nỗ lực thay đổi, làm mới sản phẩm. Xu hướng biến ứng dụng (app) thông thường thành siêu ứng dụng (super app) hay ứng dụng đa dịch vụ nhằm cung cấp các tiện ích, dịch vụ tích hợp trong một ứng dụng di động ngày càng trở nên phổ biến. Tuy nhiên, để quản lý và phân loại những loại hình ứng dụng như này còn là khoảng trống pháp lý cần phải điều chỉnh.

- Đối với các chủ thể tham gia cung cấp dịch vụ TMĐT xuyên biên giới và người bán nước ngoài trên các nền tảng số: Hiện chưa có cơ chế hiệu quả để quản lý và thu thuế từ các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ vào Việt Nam, dẫn đến thất thu ngân sách và khó khăn trong việc bảo vệ người tiêu dùng. Ngoài ra, hàng hóa nhập khẩu qua kênh TMĐT khó kiểm soát về chất lượng, an toàn thực phẩm, gây nguy hại cho người tiêu dùng. Hơn nữa, trong trường hợp các nền tảng này không tuân thủ pháp luật Việt Nam thì cũng chưa có cơ chế, cơ sở pháp lý để ngăn chặn hay yêu cầu các đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian hỗ trợ TMĐT như Logistics, thanh toán... ngưng hợp tác. Ngoài ra, hiện tượng các người bán nước ngoài bán trên các nền tảng số TMĐT chưa được xác thực dẫn tới việc khách hàng mua hàng mà không biết người bán là ai, được bảo vệ như nào... đồng thời

nếu đòi trả hàng thì ai sẽ chịu trách nhiệm liên quan.

- Đối với người bán trên các nền tảng số TMĐT: khi người bán trên nền tảng số TMĐT chưa được xác định rõ ràng, người tiêu dùng bị đặt vào tình thế bấp bênh. Nhưng không chỉ người tiêu dùng chịu thiệt hại, sự gia tăng của những người bán ẩn danh mở ra cánh cửa cho hàng giả, hàng nhái tràn lan trên thị trường. Khi không biết rõ ai là người bán, cơ quan quản lý gặp khó khăn trong việc thực thi pháp luật chống lại việc phân phối sản phẩm giả mạo hoặc không đạt tiêu chuẩn. Điều này không chỉ gây hại cho doanh nghiệp hợp pháp tuân thủ quy định, mà còn đặt ra rủi ro nghiêm trọng về sức khỏe và an toàn cho cộng đồng. Từ góc độ kinh tế, người bán chưa được định danh gây khó khăn trong việc thu thuế. Khi người bán hoạt động mà không có định danh hợp lệ, họ thường trốn thuế, dẫn đến thất thu ngân sách cho nhà nước. Hơn nữa, việc không thể giữ người bán chịu trách nhiệm cản trở khả năng pháp lý trong việc xử lý gian lận và các hoạt động bất hợp pháp khác. Cơ quan thực thi pháp luật gặp khó khăn trong việc truy tìm và truy tố những kẻ vi phạm, tạo ra cảm giác vô trách nhiệm có thể khuyến khích hành vi thiếu đạo đức. Sự thiếu trách nhiệm này cũng cản trở việc thực thi Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, khiến người mua hầu như không có sự hỗ trợ khi xảy ra vấn đề. Tình trạng này còn tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh. Doanh nghiệp hợp pháp tuân thủ yêu cầu đăng ký và nộp thuế bị bất lợi so với những người bán ẩn danh lách luật. Điều này có thể làm nản lòng tinh thần kinh doanh và đổi mới, kìm hãm tiến bộ chung của ngành TMĐT.

- Đối với người tiêu dùng: Người tiêu dùng tham gia mua sắm trực tuyến hiện nay đang gặp khó khăn vì thiếu minh bạch thông tin sản phẩm, dịch vụ và thông tin của người bán như địa chỉ, điện thoại liên hệ hay các phương tiện khác. Thậm chí trong đơn hàng nhận được cũng không có thông tin về người bán. Đồng thời, cơ chế giải quyết tranh chấp trên môi trường trực tuyến chưa hiệu quả, khiến người tiêu dùng ít được bảo vệ khi quyền, lợi ích bị xâm phạm. Trong nhiều trường hợp, người mua hàng và người bán không giải quyết được mâu thuẫn phát sinh trong quá trình giao dịch nhưng lại không có cách nào để liên hệ với chủ quản nền tảng số trung gian để khiếu nại hoặc không có công cụ để thực hiện khiếu nại trực tuyến hoặc trực tiếp do các nền tảng này ít công khai thông tin cụ thể mà thường sử dụng số tổng đài, gây khó khăn cho người tiêu dùng.

2.1.3. Bất cập trong phân cấp phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước về TMĐT

Trước đây, khi TMĐT mới xuất hiện và bản chất TMĐT là hoạt động không bị giới hạn bởi địa lý, nhằm đảm bảo công tác quản lý từ trung ương tới địa

phương, Nghị định 52 đã quy định giao Bộ Công Thương là cơ quan tiếp nhận và xử lý toàn bộ hồ sơ thông báo, đăng ký đối với website/ ứng dụng TMĐT và hoạt động cung cấp dịch vụ đánh giá tín nhiệm cũng như là hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử. Tuy nhiên, với xu hướng phát triển của TMĐT, các thương nhân, tổ chức cá nhân có xu hướng xây dựng website và ứng dụng để bán hàng hóa của mình với chi phí rẻ và nhanh chóng đã làm tăng nhanh số lượng website, ứng dụng TMĐT, đặc biệt là website TMĐT bán hàng. Mỗi năm Bộ Công Thương tiếp nhận và xử lý khoảng trên 10.000 hồ sơ thông báo website/ ứng dụng TMĐT bán hàng và khoảng 1.000 hồ sơ thông báo website/ ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT. Trong khi đó, thực tế các doanh nghiệp thiết lập website TMĐT bán hàng để bán hàng hóa dịch vụ của mình thì có địa chỉ cố định tại địa phương và đa phần bán hàng trên địa phương đó. Còn các nền tảng số trung gian TMĐT sẽ là nơi tập hợp các người bán trên cả nước và bán hàng hóa đi toàn quốc, thậm chí nước ngoài. do vậy, để thuận tiện cho công tác quản lý, giám sát và thống kê cũng như xây dựng các chính sách phù hợp cho các địa phương, cần có sự phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước về TMĐT tại trung ương và địa phương nhằm định rõ phạm vi quản lý, các loại hình nền tảng số TMĐT nào do cấp nào quản lý, đồng thời, xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các bộ, ngành và địa phương. Bên cạnh đó, thông qua tuyên truyền, phổ biến, trao đổi nâng cao nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ của các cán bộ công chức phụ trách hoạt động TMĐT tại địa phương ngày càng được hoàn thiện.

Ngoài ra, đây cũng là chủ trương lớn của Chính phủ, được chỉ đạo cụ thể tại văn bản số 856/TTg-TCCV Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Kế thừa những quy định hiện hành tại Nghị định 52, đảm bảo xác định chính xác những mô hình hoạt động TMĐT (website/ứng dụng TMĐT, website/ứng dụng cung cấp dịch vụ, mạng xã hội có tính năng đặt hàng trực tuyến, các website/ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT xuyên biên giới, v.v...), các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT.

- Đảm bảo không bỏ sót các mô hình hoạt động TMĐT và các chủ thể tham gia.

- Đảm bảo quy định đầy đủ, rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của các chủ thể để nâng cao hiệu quả thực thi các quy định.

- Đảm bảo tính phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, không phát sinh mâu thuẫn, chồng chéo với các văn bản đang có hiệu lực.

- Đảm bảo minh bạch về thẩm quyền, rõ ràng về giới hạn trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực TMĐT.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 2A: Quy định các hình thức hoạt động TMĐT, các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

Kế thừa những quy định hiện hành của Nghị định 52 về các hình thức, chủ thể tham gia hoạt động TMĐT, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể.

Bổ sung các hình thức tổ chức hoạt động TMĐT mới xuất hiện gần đây.

Bổ sung quy định về định danh người bán trên sàn TMĐT.

Bổ sung quyền và nghĩa vụ của các đối tượng tham gia vào hoạt động TMĐT.

Phân cấp, phân quyền khi thực hiện thủ tục thông báo, đăng ký website, ứng dụng TMĐT.

Phương án 2B: Giữ nguyên như hiện tại.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

2.4.1. Phương án 2A: Quy định các hình thức hoạt động TMĐT, các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước

a) Tác động về kinh tế

- Đối với Nhà nước

Với việc các người bán trên các sàn TMĐT được định danh và quản lý chặt chẽ hơn, việc thu thuế sẽ hiệu quả hơn, giảm thiểu tình trạng trốn thuế, gian lận thuế. Điều này đóng góp vào ngân sách nhà nước, tạo nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Đối với hoạt động TMĐT xuyên biên giới, những quy định được đưa ra phù hợp với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thuế, hải quan nhằm kiểm soát hàng hóa, dịch vụ từ nước ngoài, từ đó, bảo vệ thị trường nội địa và tăng nguồn thu từ thuế nhập khẩu.

- Đối với doanh nghiệp, người bán

Việc luật hóa những quy định về hình thức tổ chức hoạt động TMĐT, các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể sẽ tạo khung pháp lý ổn định, vững chắc, giúp doanh nghiệp trong và ngoài nước yên tâm đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực TMĐT. Từ đó, giảm thiểu sự mơ hồ và tranh chấp pháp lý, giúp tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp, người bán trong việc tuân thủ và thực thi pháp luật.

Ngoài ra, Luật sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người bán Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua TMĐT.

- Đối với người tiêu dùng

Khi các hoạt động TMĐT được quản lý chặt chẽ theo luật, người tiêu dùng sẽ cảm thấy an tâm hơn khi mua sắm trực tuyến, từ đó, gia tăng nhu cầu tiêu dùng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, việc quy định cụ thể trách nhiệm của người bán, các nền tảng TMĐT, quyền khiếu nại và phương thức giải quyết tranh chấp giúp bảo vệ người tiêu dùng khỏi các hành vi lừa đảo, hàng giả, hàng kém chất lượng.

b) Tác động về xã hội

- Đối với Nhà nước

Luật sẽ quy định cụ thể về vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của từng cơ quan, giúp tránh chồng chéo và mâu thuẫn trong quản lý. Ngoài ra, cũng đòi hỏi sự hợp tác giữa các cơ quan liên quan như Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước, giúp đồng bộ hóa chính sách và chia sẻ thông tin.

Đối với những hình thức tổ chức hoạt động TMĐT mới, cơ quan nhà nước sẽ cần phải mở rộng hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra nhiều hơn, bao gồm cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

- Đối với doanh nghiệp, người bán

Bổ sung những quy định liên quan đến hình thức tổ chức hoạt động TMĐT sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia tích cực hơn vào thị trường TMĐT, chuyển đổi số, áp dụng các mô hình kinh doanh mới, sử dụng công nghệ hiện đại. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng được thúc đẩy minh bạch trong hoạt động, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, từ đó xây dựng uy tín và niềm tin trong cộng đồng.

- Đối với người tiêu dùng

Việc bổ sung, quy định rõ quyền và trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT sẽ giúp người dân hiểu rõ hơn về quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong TMĐT, từ đó thay đổi thói quen tiêu dùng và văn hóa mua sắm, thúc đẩy hành vi tiêu dùng có trách nhiệm.

Luật cũng sẽ giúp ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi kinh doanh hàng hóa vi phạm, bảo vệ sức khỏe và an toàn của người dân, đồng thời quy định về nội dung số, quảng cáo và bán hàng trực tuyến sẽ bảo vệ trẻ em khỏi những nội dung xấu, độc hại, không phù hợp.

c) Tác động về môi trường: Không tác động thay đổi về môi trường

d) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt về giới.

đ) Tác động về thủ tục hành chính:

Việc phân định rõ chức năng và nhiệm vụ của từng cơ quan ở các cấp trung ương và địa phương không phát sinh thủ tục hành chính mới nhưng giúp nâng cao năng lực quản lý hoạt động TMĐT của địa phương, đồng thời, giảm khối lượng xử lý thủ tục hành chính tại cơ quan trung ương. Tuy nhiên, cần thời gian đào tạo, tập huấn để các cán bộ, công chức quản lý nhà nước ở địa phương có thể thành thạo thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực TMĐT.

e) Tác động về hệ thống pháp luật: luật hóa những quy định tại Nghị định 52, đồng thời bổ sung thêm những quy định mới góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với hoạt động TMĐT, giúp tạo khung pháp lý ổn định.

2.4.2. Phương án 2B: Giữ nguyên như hiện tại

Nếu giữ nguyên như các quy định hiện nay thì các vấn đề tồn tại, bất cập như đã nêu ở mục 2.1. Xác định vấn đề bất cập sẽ không được giải quyết.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 (hai) phương án trên, phương án 2A là phương án có nhiều tác động tích cực nhất, thu được lợi ích kinh tế và tác động xã hội tốt nhất. Do đó, đề xuất lựa chọn phương án 2A cho việc xây dựng Luật TMĐT. Thẩm quyền ban hành là Quốc hội.

3. Chính sách 03: Trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ TMĐT

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, Nghị định 52 có nhắc đến trách nhiệm của các đơn vị cung cấp hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ hỗ trợ TMĐT từ như logistics; tuy nhiên, do là văn bản dưới luật và chỉ hướng dẫn quy định về hoạt động TMĐT, Nghị định thiếu các quy định cụ thể và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn trong việc quản lý các mô hình trung gian hỗ trợ TMĐT, chưa bao quát được các dịch vụ hỗ trợ TMĐT như các nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP), và các đơn vị cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết (affiliate marketing); Nghị định cũng chưa có những quy định rõ ràng về việc các đơn vị trung gian phải có cơ chế để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp kỹ thuật để ngăn chặn thông tin về hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật về TMĐT, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng hay cơ chế phối hợp xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hàng hoá, sản phẩm giả, nhái, hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên các nền tảng TMĐT.

Việc chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian hỗ trợ hoạt động TMĐT có thể dẫn đến một số vấn đề hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý:

Thứ nhất, thiếu sự quản lý và giám sát đối với các mô hình trung gian. Nếu không có quy định rõ ràng về trách nhiệm của các đơn vị trung gian, các tổ chức cung cấp dịch vụ hạ tầng và hỗ trợ TMĐT có thể không tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo mật, chất lượng dịch vụ và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Điều này có thể dẫn đến môi trường giao dịch không an toàn, gây khó khăn cho người tiêu dùng và doanh nghiệp trong việc tham gia vào các hoạt động TMĐT.

Thứ hai, tồn tại những rủi ro về an toàn thông tin và an ninh mạng. Khi các đơn vị trung gian như nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) và các dịch vụ tiếp thị liên kết (affiliate marketing) có thể không có đủ cơ chế đảm bảo an toàn thông tin, gây ra nguy cơ rò rỉ dữ liệu, xâm phạm quyền riêng tư của người tiêu dùng và các vấn đề liên quan đến bảo mật trong giao dịch điện tử.

Thứ ba, khi không có cơ chế hợp tác rõ ràng giữa các đơn vị trung gian và cơ quan quản lý nhà nước, việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, như buôn bán hàng giả, hàng nhái, hoặc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên các nền tảng TMĐT, sẽ trở nên phức tạp. Các cơ quan quản lý sẽ gặp khó khăn trong việc theo dõi và xử lý các hành vi vi phạm, làm giảm hiệu quả trong công tác bảo vệ người tiêu dùng, quản lý hoạt động TMĐT và các lĩnh vực liên quan khác.

Thứ tư, việc không có quy định về trách nhiệm của các đơn vị trung gian trong việc bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng sẽ tạo ra sự phát triển không bền vững của TMĐT. Việc thiếu rõ ràng trong quy định về trách nhiệm của các đơn vị trung gian có thể gây ra môi trường TMĐT không ổn định, không có tính cạnh

tranh lành mạnh, làm giảm sự tin tưởng của người tiêu dùng và doanh nghiệp vào các nền tảng TMĐT, từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của ngành. Đặc biệt nhiều nền tảng có yếu tố nước ngoài hoạt động không phép ở Việt Nam, nơi trưng bày bán hàng giả, hàng nhái và thậm chí hàng cấm vào thị trường Việt Nam mà không có quy định để ngăn chặn kịp thời. Các đơn vị trung gian cung cấp dịch vụ hỗ trợ TMĐT thuộc nhiều bộ ngành khác nhau quản lý, do vậy khi yêu cầu gỡ bỏ hay ngăn chặn sản phẩm hàng hóa, dịch vụ vi phạm cần phối hợp rất nhiều khâu.

Thứ năm, nhiều chủ quản nền tảng số TMĐT không có đại diện pháp lý tại Việt Nam và không hợp tác với cơ quan QLNN có thẩm quyền trong việc ngăn chặn, xóa bỏ các thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật về TMĐT. Các đối tượng có thể lợi dụng các nền tảng đặt tại nước ngoài để bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ tại thị trường Việt Nam mà không có biện pháp ngăn chặn, không có đầu mối liên hệ, khó khăn trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Thứ sáu, nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ TMĐT như logistics, thanh toán, tiếp thị liên kết, hạ tầng kỹ thuật... hợp tác, ký hợp đồng cung cấp dịch vụ cho các nền tảng TMĐT chưa tuân thủ pháp luật Việt Nam, hoặc có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam. Cơ quan quản lý nhà nước cũng chưa có chế tài để yêu cầu, xử phạt đối với các chủ thể này.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo cơ chế để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp kỹ thuật để ngăn chặn thông tin về hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật về TMĐT.

- Tạo cơ chế để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu để các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ TMĐT ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nền tảng TMĐT

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 3A:

- Quy định Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian hỗ trợ hoạt động TMĐT là các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp một, một số hoặc toàn bộ các dịch vụ sau: cung cấp phương tiện kỹ thuật để tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đưa nội dung thông tin hàng hóa, dịch vụ lên môi trường mạng; cung cấp kết nối trực tuyến cho công chúng tiếp cận, sử dụng nội dung thông tin hàng hóa, dịch vụ trên môi trường mạng.

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian có trách nhiệm triển khai các biện pháp, giải pháp kỹ thuật, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các chủ thể quyền thực thi các biện pháp khi có vi phạm về TMĐT xảy ra trên môi trường mạng.

Phương án 3B: Giữ nguyên như hiện tại

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

3.4.1. Phương án 3A

a) Tác động về kinh tế

- Đối với Nhà nước

Khi các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian hoạt động hợp pháp và được quản lý chặt chẽ, nhà nước có thể thu đúng, thu đủ các loại thuế như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu từ hoạt động TMĐT.

Việc quy định rõ ràng giúp ngăn chặn hành vi trốn thuế, gian lận thương mại, từ đó tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, tạo nguồn lực cho đầu tư công và phát triển kinh tế - xã hội.

- Đối với doanh nghiệp

Việc xác định rõ ràng phạm vi và vai trò của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian tạo điều kiện cho cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài tham gia vào thị trường TMĐT Việt Nam. Điều này mở rộng sự đa dạng dịch vụ, tạo ra môi trường cạnh tranh thúc đẩy chất lượng dịch vụ ngày càng nâng cao.

Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian giúp kết nối người bán và người mua một cách hiệu quả, giảm chi phí giao dịch, tăng tốc độ và tiện lợi trong mua sắm, từ đó tăng tổng cầu tiêu dùng.

Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian tuân thủ sẽ giúp bảo vệ thương hiệu và sản phẩm của các doanh nghiệp trong nước, các đơn vị làm ăn chân chính, ngăn chặn kịp thời hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, hàng cấm... đến người tiêu dùng.

- Đối với người dân

Sự phát triển của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian sẽ mở ra nhiều cơ hội việc làm trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, dịch vụ khách hàng, marketing số, logistics.

Sự tham gia của nhiều doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian sẽ tăng tính cạnh tranh, buộc các doanh nghiệp phải cải tiến dịch vụ, giảm giá thành để thu hút khách hàng.

Với nhiều nhà cung cấp dịch vụ, người tiêu dùng sẽ có nhiều lựa chọn hơn, đáp ứng được nhu cầu khác nhau về sản phẩm và dịch vụ.

b) Tác động về xã hội

- Đối với doanh nghiệp

Quy định này tạo điều kiện cho nhiều ý tưởng kinh doanh mới xuất hiện, khuyến khích sự sáng tạo trong việc cung cấp dịch vụ và sản phẩm.

Các cá nhân và doanh nghiệp nhỏ có thể sử dụng các nền tảng TMĐT để kinh doanh mà không cần đầu tư lớn về hạ tầng. Điều này khuyến khích tinh thần khởi nghiệp và tạo cơ hội cho mọi người tham gia vào thị trường.

Sự phát triển của nhiều loại hình dịch vụ TMĐT góp phần đa dạng hóa nền kinh tế, giảm phụ thuộc vào các ngành truyền thống.

Doanh nghiệp Việt Nam có thể tiếp cận thị trường quốc tế, học hỏi và trao đổi văn hóa, thúc đẩy sự hiểu biết giữa các dân tộc.

- Đối với người dân

Sự phát triển của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian sẽ mở ra nhiều cơ hội việc làm trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, dịch vụ khách hàng, marketing số, logistics.

Việc phát triển các dịch vụ trung gian hỗ trợ TMĐT giúp người dân ở mọi vùng miền, đặc biệt là vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa, tiếp cận dễ dàng hơn với công nghệ và internet. Điều này góp phần thu hẹp khoảng cách số giữa các khu vực, nâng cao trình độ công nghệ cho toàn xã hội.

Sự gia tăng của các nền tảng TMĐT cung cấp cho người tiêu dùng nhiều lựa chọn hơn về sản phẩm và dịch vụ, đáp ứng nhu cầu đa dạng của họ.

Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải tuân thủ các quy định về cung cấp thông tin hàng hóa, dịch vụ, giúp người tiêu dùng có thông tin đầy đủ để đưa ra quyết định mua sắm đúng đắn.

Người dân sẽ dần quen với việc mua sắm trực tuyến, sử dụng các dịch vụ số, hướng đến một xã hội hiện đại và tiện ích hơn.

TMĐT mở ra cơ hội cho người khuyết tật, phụ nữ nội trợ tham gia kinh doanh hoặc làm việc từ xa, giúp họ tự chủ kinh tế và hòa nhập xã hội.

c) Tác động về môi trường: Không tác động thay đổi về môi trường

d) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt về giới.

đ) Tác động về thủ tục hành chính:

Việc phân định rõ chức năng và nhiệm vụ của từng cơ quan ở các cấp trung ương và địa phương không phát sinh thủ tục hành chính mới nhưng giúp nâng cao năng lực quản lý hoạt động TMĐT của địa phương, đồng thời, giảm khối lượng xử lý thủ tục hành chính tại cơ quan trung ương. Tuy nhiên, cần thời gian đào tạo, tập huấn để các cán bộ, công chức quản lý nhà nước ở địa phương có thể thành thạo thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực TMĐT.

e) Tác động về hệ thống pháp luật: luật hóa những quy định tại Nghị định 52, đồng thời bổ sung thêm những quy định mới góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với hoạt động TMĐT, giúp tạo khung pháp lý ổn định.

3.4.2. Phương án 3B: Giữ nguyên như hiện tại

Nếu giữ nguyên như các quy định hiện nay thì các vấn đề tồn tại, bất cập như đã nêu ở mục 3.1. Xác định vấn đề bất cập sẽ không được giải quyết.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 (hai) phương án trên, phương án 3A là phương án có nhiều tác động tích cực nhất, thu được lợi ích kinh tế và tác động xã hội tốt nhất. Do đó, đề xuất lựa chọn phương án 3A cho việc xây dựng Luật TMĐT. Thẩm quyền ban hành là Quốc hội.

4. Chính sách 04: Quy định về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

4.1. Xác định vấn đề bất cập

- Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo quy định của pháp luật hiện hành phải thực hiện thủ tục đăng ký với Bộ Công Thương. Tuy nhiên, Luật Giao dịch điện tử 2023 quy định dịch vụ tin cậy phải thực hiện thủ tục cấp phép. Về bản chất dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại là 1 loại hình của dịch vụ tin cậy. do đó đang có sự khác biệt đối xử giữa thủ tục cấp phép cho 2 loại hình này.

- Cơ quan nhà nước gặp trong việc theo dõi và giám sát hoạt động của các dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử, dịch vụ tin cậy. Điều này làm gia tăng khả năng vi phạm pháp luật mà không bị phát hiện hoặc xử lý kịp thời. Hơn nữa, các

quy định trước đây tại Nghị định số 52 và Nghị định số 85 chỉ yêu cầu đăng ký thủ tục đơn giản, chưa đi sâu vào kết nối trao đổi và đồng bộ dữ liệu hay kết nối định danh người/các bên tham gia ký hợp đồng điện tử. Bên cạnh đó, các quy định cũ chưa có quy định cụ thể về mức độ an toàn của hệ thống thông tin của đơn vị cung cấp dịch vụ, do vậy có nguy cơ không đảm bảo an toàn hệ thống, dữ liệu lưu trữ v.v... dẫn tới nhiều hậu quả trong tương lai.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đối xử công bằng đối với các loại hình cung cấp dịch vụ tin cậy
- Nhanh chóng phát hiện, xử lý các vi phạm pháp luật liên quan đến hợp đồng điện tử

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 4A: Ban hành quy định về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

- Quy định thủ tục cấp phép cho dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại
- Quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại, đảm bảo tính bảo mật và toàn vẹn của hợp đồng điện tử được chứng thực.
- Quy định trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc điều tra các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hợp đồng điện tử mà mình thực hiện chứng thực.

Phương án 4B: Giữ nguyên như hiện tại

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

4.4.1. Phương án 4A: Ban hành quy định về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

a) Tác động về kinh tế - xã hội

Việc sử dụng hợp đồng điện tử được chứng thực hợp pháp giúp doanh nghiệp:

- Tiết kiệm chi phí vận hành: Giảm thiểu chi phí in ấn, lưu trữ và vận chuyển so với hợp đồng giấy truyền thống.
- Tăng tốc độ giao dịch: Hợp đồng có thể được ký kết và xử lý trong tích

tắc, không bị giới hạn bởi khoảng cách địa lý hay thời gian.

- Nâng cao tính bảo mật và an toàn: Công nghệ mã hóa và chứng thực điện tử bảo vệ thông tin khỏi rủi ro gian lận hay truy cập trái phép.

- Lưu trữ an toàn, tra cứu dễ dàng tra cứu : Hợp đồng được lưu trữ trên hệ thống số giúp người dùng có thể truy cập, tìm kiếm mọi lúc, mọi nơi bằng các thiết bị điện tử như máy tính, laptop, điện thoại thông minh... chỉ cần có mạng Internet, dễ dàng hơn so với hợp đồng bằng giấy.

- Sử dụng làm chứng cứ khi có tranh chấp : các hệ thống ký điện tử có tính năng lưu lại lịch sử ký (người ký, tên công ty, IP máy tính, thời gian ký...) khi ký hợp đồng điện tử. Vì vậy, nếu có xảy ra tranh chấp, các bên đều có thể dùng hợp đồng điện tử để làm chứng cứ xử lý tranh chấp.

Quy định cấp phép rõ ràng tạo ra một khung pháp lý vững chắc, tăng cường tính minh bạch và tin cậy trong thương mại, giúp:

- Xây dựng niềm tin giữa các bên giao dịch: Khi biết rằng hợp đồng điện tử được chứng thực và bảo vệ bởi pháp luật, các doanh nghiệp cảm thấy an tâm hơn khi ký kết.

- Giảm thiểu tranh chấp pháp lý: Các điều khoản và chữ ký điện tử được lưu trữ và truy xuất dễ dàng, giúp giải quyết nhanh chóng nếu có vấn đề phát sinh.

Mở rộng cơ hội thị trường và nâng cao cạnh tranh:

- Tiếp cận thị trường quốc tế: Doanh nghiệp có thể dễ dàng hợp tác với đối tác nước ngoài thông qua hợp đồng điện tử, không bị cản trở bởi thủ tục giấy tờ phức tạp. Tạo cơ hội cho doanh nghiệp tiếp cận và giao thương với đối tác khắp nơi trên thế giới

- Khuyến khích đổi mới sáng tạo: Sự thuận lợi trong giao dịch thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, tạo ra sản phẩm và dịch vụ mới.

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đặt mục tiêu cơ bản đến năm 2030, tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%. Quy định này góp phần vào mục tiêu quốc gia về kinh tế số:

- Hiện đại hóa hạ tầng pháp lý: Đáp ứng nhu cầu của thời đại công nghệ 4.0 và hội nhập quốc tế.

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững: Tạo môi trường thuận lợi cho

doanh nghiệp phát triển và đóng góp vào GDP quốc gia.

Sự phát triển của hợp đồng điện tử không chỉ dừng lại ở thương mại mà còn mở rộng sang các lĩnh vực khác như tài chính, bất động sản, và dịch vụ công. Việc nắm bắt xu hướng này sẽ giúp doanh nghiệp và quốc gia đón đầu công nghệ mới và thích ứng với thay đổi thị trường.

b) Tác động về môi trường: việc sử dụng các hợp đồng điện tử có thể mang lại nhiều lợi ích to lớn và lâu dài cho môi trường và kinh tế giảm chi phí giấy tờ, in ấn – 0 chi phí chuyển phát hợp đồng – 0 chi phí cơ sở vật chất lưu trữ hợp đồng.

c) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính: Hiện nay, các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử đã được Bộ Công Thương triển khai thực hiện. Đến hết năm 2024, đã có tổng cộng 11 doanh nghiệp đã thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử. Việc nâng cấp thành luật những quy định liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử không phát sinh thủ tục hành chính mới.

e) Tác động về hệ thống pháp luật: luật hóa những quy định tại Nghị định 52, đồng thời bổ sung thêm những quy định mới góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại, giúp tạo khung pháp lý ổn định.

4.4.2. Phương án 4B: Giữ nguyên như hiện tại

Nếu giữ nguyên như các quy định hiện nay thì các vấn đề tồn tại, bất cập như đã nêu ở mục 4.1. Xác định vấn đề bất cập sẽ không được giải quyết.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 (hai) phương án trên, phương án 4A là phương án có nhiều tác động tích cực nhất, thu được lợi ích kinh tế và tác động xã hội tốt nhất. Do đó, đề xuất lựa chọn phương án 4A cho việc xây dựng Luật TMĐT. Thẩm quyền ban hành là Quốc hội.

5. Chính sách 05: Quy định về xây dựng, phát triển TMĐT

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, các quy định tại Nghị định 52 và Nghị định 85 đã đưa ra các khung pháp lý cơ bản về hoạt động và các mô hình hoạt động của TMĐT. Nghị

định cũng đã có những quy định cơ bản về Chương trình phát triển TMĐT quốc gia tại Điều 7, về cơ bản đây là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động phát triển TMĐT theo từng giai đoạn nhằm mục tiêu khuyến khích, hỗ trợ ứng dụng TMĐT để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy giao dịch thương mại trong nước và xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng TMĐT theo hướng hiện đại hóa; Nghị định năm 2013 cũng chỉ ra được 07 nội dung hoạt động của Chương trình. Tuy nhiên, trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của TMĐT, các quy định hiện hành cần được điều chỉnh theo hướng TMĐT phát triển bền vững để duy trì sự phát triển lâu dài.

Theo kết quả điều tra, khảo sát của Hiệp hội TMĐT Việt Nam (VECOM) công bố năm 2024, sự phát triển nhanh chóng của ngành TMĐT Việt Nam kéo theo nhiều vấn đề môi trường, đặc biệt là rác thải từ đóng gói, hoàn thiện đơn hàng và giao đồ ăn trực tuyến. Nếu không có giải pháp hiệu quả trong việc giảm thiểu rác thải nhựa, dự báo rằng đến năm 2030, khi quy mô thị TMĐT đạt 100 tỷ USD, lượng rác thải nhựa từ lĩnh vực này có thể lên tới 800.000 tấn. Trong năm qua, thị trường mua sắm trực tuyến và giao đồ ăn tại Việt Nam đã đạt quy mô lần lượt 22 tỷ USD và 1 tỷ USD, thải ra khoảng 160.000 tấm bì carton và 171.000 tấn nhựa, chủ yếu là loại nhựa dùng một lần, theo Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF). Riêng ngành TMĐT đã thải ra hơn 7.600 tấn nhựa để bán ra 1 tỷ USD, trong khi giao đồ ăn thải gần 18.600 tấn nhựa.

Từ thực tiễn nêu trên cho thấy, TMĐT đang đối mặt với vấn đề gia tăng đáng kể lượng rác thải từ bao bì đóng gói và vận chuyển, gây áp lực lớn lên môi trường. Đồng thời, các tiêu chuẩn xanh và trách nhiệm phát triển bền vững đang trở thành yêu cầu phổ biến trong hoạt động TMĐT toàn cầu, đòi hỏi các doanh nghiệp phải tích hợp các giải pháp giảm phát thải, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường và xây dựng chuỗi cung ứng xanh. Vì vậy, việc xây dựng chính sách TMĐT giai đoạn tới cần nhấn mạnh vào phát triển hạ tầng TMĐT thân thiện với môi trường, khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ xanh và tăng cường nhận thức người tiêu dùng về tiêu dùng bền vững. Những bước đi này không chỉ giúp bảo vệ môi trường mà còn nâng cao tính cạnh tranh của TMĐT Việt Nam, góp phần tạo nên một nền kinh tế số phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, một trong những vấn đề được quan tâm trong bối cảnh toàn cầu hóa là Thương mại số. Xét về nội hàm không phải là một khái niệm mới. Các giao dịch thương mại được thực hiện với sự hỗ trợ của công nghệ số đã xuất hiện rất nhiều năm trước đây. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin và xu hướng chuyển đổi số, quy mô, số lượng các

giao dịch thương mại và sự xuất hiện của các mô hình kinh doanh thương mại mới liên quan đến công nghệ số đã và đang làm thay đổi nhận thức của doanh nghiệp và người dân về thương mại trên nền tảng số. Bên cạnh các loại hình thương mại khác, thương mại số đã phát triển nhanh chóng, ngày càng được quan tâm trên phạm vi khu vực và toàn cầu. Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới đang đối mặt với những thách thức trong việc xây dựng khung khổ pháp lý, thể chế để điều chỉnh các quan hệ tham gia thương mại số, vừa để đảm bảo thương mại số vận hành thông suốt, vừa đảm bảo các cơ hội, lợi ích của thương mại số được thực hiện và chia sẻ một cách hài hòa. Do vậy, cần có những quan điểm, chỉ đạo bước đầu để từng bước luật hóa chính sách đối với thương mại số. Đồng thời, nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với thương mại số.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, Chính phủ về thúc đẩy phát triển TMĐT⁴.
- Thúc đẩy TMĐT phát triển xanh, bền vững, góp phần phát triển kinh tế hiệu quả, tạo giá trị cho cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội công bằng và giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 5A: Bổ sung, hoàn thiện chính sách của về phát triển TMĐT theo hướng xanh và bền vững.

- Tạo điều kiện thuận lợi để ứng dụng TMĐT trong hoạt động

Phương án 5B: Giữ nguyên như hiện tại

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

5.4.1. Phương án 5A: Bổ sung chính sách của nhà nước về phát triển TMĐT

a) Tác động về kinh tế

- + Đối với nhà nước: Cần bố trí các nguồn lực từ trung ương đến địa phương để tham gia thúc đẩy phát triển TMĐT bền vững
- + Đối với doanh nghiệp: Doanh nghiệp cần đầu tư thêm vào công nghệ và đổi mới quy trình kinh doanh để đáp ứng các tiêu chuẩn mới, đặc biệt là TMĐT

⁴ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tại Phần III. Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Mục 6 về Chính sách phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên nêu rõ: “Tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như ... **thương mại điện tử**”

xanh.

+ Đối với người dân: Giá cả sản phẩm có thể tăng do chi phí áp dụng các tiêu chuẩn môi trường và cải thiện hạ tầng.

b) Tác động về xã hội

+ Đối với nhà nước: Hỗ trợ quá trình kiểm tra, giám sát và căn cứ thực tiễn phát triển để có định hướng chính sách phù hợp cho từng giai đoạn phát triển TMĐT.

+ Đối với các nhà đầu tư nước ngoài: Thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: Người dân được tiếp cận các sản phẩm/dịch vụ chất lượng cao thông qua TMĐT.

c) Tác động về môi trường

+ Đối với nhà nước: giám sát, đánh giá và điều chỉnh các chính sách TMĐT nhờ vào các chỉ số đánh giá được xây dựng, bảo vệ môi trường

+ Đối với doanh nghiệp: Doanh nghiệp có ý thức trong việc bảo vệ môi trường

+ Đối với người dân: Giảm thiểu lượng rác thải nhựa, cải thiện chất lượng môi trường sống.

d) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt về giới.

đ) Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

e) Tác động về hệ thống pháp luật:

- Bộ máy Nhà nước: Phương án này không tác động đến bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động TMĐT.

- Các điều kiện đảm bảo thi hành: Phương án này không tác động về các điều kiện cần thiết để bảo đảm thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: Phương án này không tác động đến quyền cơ bản của công dân.

- Tương thích với các Điều ước quốc tế: Phương án này không có tác động tới việc thực hiện các điều ước quốc tế.

5.4.2. Phương án 5B: Giữ nguyên như hiện tại

Nếu giữ nguyên như các quy định hiện nay thì các vấn đề tồn tại, bất cập như đã nêu ở mục 5.1. Xác định vấn đề bất cập sẽ không được giải quyết.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 (hai) phương án trên, phương án 5A là phương án có nhiều tác động tích cực nhất, thu được lợi ích kinh tế và tác động xã hội tốt nhất. Do đó, đề xuất lựa chọn phương án 5A cho việc xây dựng Luật TMĐT. Thẩm quyền ban hành là Quốc hội.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH LUẬT

1. Về điều kiện đảm bảo thi hành luật

Dự kiến sau khi Luật ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng thi hành Luật có trách nhiệm thực thi Luật, trong đó Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Luật. Bộ Công Thương đã có đơn vị trực thuộc để quản lý lĩnh vực TMĐT được Luật TMĐT điều chỉnh (Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số) đảm bảo việc thi hành Luật được đồng bộ, thống nhất. Ở địa phương, trong trường hợp một số TTHC lĩnh vực TMĐT được phân cấp thành TTHC cấp địa phương, Sở Công Thương của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều có đơn vị chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về TMĐT.

Như vậy, với điều kiện thực tế hiện nay, Bộ Công Thương và ngành Công Thương các cấp có đủ nguồn nhân lực, bộ máy, điều kiện cơ bản cho việc thi hành Luật TMĐT sau khi được Quốc hội thông qua, đảm bảo tính khả thi về chính sách. Đồng thời, các quy định tại Luật TMĐT không làm thay đổi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các Bộ, ngành khác có liên quan và vẫn duy trì được đội ngũ nhân lực, tổ chức bộ máy sẵn có để cùng phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Luật TMĐT.

2. Về nguồn lực tài chính

a) Kinh phí cho thực hiện chính sách đề nghị xây dựng Luật

Các chính sách không phát sinh kinh phí riêng cho triển khai thực hiện. Kinh phí để tổ chức thi hành chính sách nằm trong kinh phí chung tổ chức thi hành Luật TMĐT.

b) Kinh phí bảo đảm tổ chức thi hành Luật sau khi được ban hành

Kinh phí bảo đảm tổ chức thi hành Luật sau khi được ban hành bao gồm:

(1) Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật; (2) Kinh phí cho tổ chức phổ biến, tuyên truyền Luật và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật; (3) Kinh phí tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình thi hành Luật. Các chi phí này không phát sinh đáng kể so với các năm trước đây vì đây là các công việc quản lý nhà nước thường xuyên.

Kinh phí phát sinh bảo đảm tổ chức thi hành Luật sau khi ban hành được dự toán và chủ yếu lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Bộ Công Thương.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA LUẬT

Bộ Công Thương dự kiến đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2025 (trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV (tháng 10/2025) và thông qua tại Kỳ họp thứ 11 (tháng 5/2026).

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Luật TMĐT, Bộ Công Thương kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (2) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng Luật TMĐT; (3) Đề cương dự thảo Luật TMĐT; (4) Báo cáo giải tình tiếp thu ý kiến).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTgTT CP Bùi Thanh Sơn (để b/c);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, TMĐT (CS).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên